BẢNG GIÁ CHUYỂN PHÁT TRONG NƯỚC

Gửi từ Hà Nội

(Áp dụng từ ngày 01/12/2026)

----------***----------

Giá chưa bao gồm Phụ phí xăng dầu 19,5% & Thuế VAT 8%

I) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ NHANH (24–48 giờ)

KHỐI LƯỢNG	Trung tâm (phường)	Huyện, xã	Trung tâm (phường)									Huyện, xã			
	Nội thành Hà Nội	Ngoại thành Hà Nội (huyện, xã cũ)	Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình (trung tâm)	Đà Nẵng (trung tâm)	Đà Nẵng mở rộng – phường trung tâm (Quảng Nam cũ)	TP.HCM (trung tâm)	TP.HCM mở rộng – phường trung tâm (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)	Vùng 1 – trung tâm	Tuyên Quang (trung tâm)	Vùng 2 – trung tâm	Vùng 3 – trung tâm	Vùng 1 – huyện, xã	Tuyên Quang (huyện, xã)	Vùng 2 – huyện, xã	Vùng 3 – huyện, xã
Thời gian toàn trình	4–7 giờ	16–30 giờ	5–8 giờ	20–30 giờ	36–48 giờ	20–36 giờ	36–48 giờ	20–36 giờ	20–36 giờ	20–36 giờ	36–48 giờ	24–48 giờ	24–48 giờ	24–48 giờ	48–72 giờ
Đến 50 g	8.200	10.300	10.200	10.200	12.300	10.200	12.300	10.200	10.200	10.200	12.300	10.800	12.800	12.800	12.900
Trên 50 g đến 100 g	9.250	11.800	12.800	12.300	15.400	12.300	15.400	12.800	12.800	12.800	15.400	15.600	15.400	15.400	20.950
Trên 100 g đến 250 g	10.300	15.600	18.500	18.400	25.000	18.400	25.000	18.500	18.500	18.500	25.000	20.800	21.600	21.600	29.730
Trên 250 g đến 500 g	12.300	19.200	25.500	27.500	35.000	28.500	35.000	25.500	25.500	25.500	35.000	28.900	30.600	30.600	39.500
Trên 500 g đến 1 kg	15.400	26.000	34.800	36.800	50.000	39.900	50.000	34.800	34.800	34.800	50.000	40.500	41.000	41.000	54.900
Trên 1 kg đến 1,5 kg	18.500	32.000	40.900	48.100	65.000	51.200	65.000	40.900	40.900	40.900	65.000	48.700	51.300	51.300	71.800
Trên 1,5 kg đến 2 kg	20.500	36.000	46.000	57.300	77.000	61.300	77.000	46.000	46.000	46.000	77.000	59.500	61.500	61.500	87.200
Mỗi 0,5 kg tiếp theo đến 20 kg	1.250	3.700	4.100	9.200	11.300	10.050	11.300	4.100	6.200	6.200	11.300	5.150	7.700	7.700	14.350
GIÁ CỘNG THÊM CHO MỖI KG TIẾP THEO (Riêng Đà Nẵng (trung tâm), TP.HCM (trung tâm) nhân trực tiếp cả khối lượng)															
Trên 20 kg đến 100 kg	2.560	4.700	8.200	18.400	22.600	20.100	22.600	8.200	12.300	12.300	22.600	10.300	16.500	16.500	28.700
Trên 100 kg đến 250 kg	2.460	4.500	7.700	18.200	22.300	20.000	22.300	7.700	11.700	11.700	22.300	10.000	16.200	16.200	28.700
Trên 250 kg đến 500 kg	2.360	4.300	7.000	17.700	22.000	19.750	22.000	7.000	11.500	11.500	22.000	9.700	16.000	16.000	28.200
Trên 500 kg đến 1.000 kg	2.260	4.000	6.500	17.200	21.700	19.500	21.700	6.500	11.000	11.000	21.700	9.500	15.500	15.500	27.700
Trên 1.000 kg	2.260	3.500	6.000	17.000	21.500	19.300	21.500	6.000	10.500	10.500	21.500	9.000	15.000	15.000	27.000

*- **Nội thành Hà Nội** gồm: Hà Nội.*
*- **Ngoại thành Hà Nội (huyện, xã cũ)** gồm: Hà Nội.*
*- **Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình (trung tâm)** gồm: Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình.*
*- **Đà Nẵng (trung tâm)** gồm: Đà Nẵng.*
*- **Đà Nẵng mở rộng – phường trung tâm (Quảng Nam cũ)** gồm: Đà Nẵng (phường/xã thuộc Quảng Nam cũ).*
*- **TP.HCM (trung tâm)** gồm: TP. Hồ Chí Minh.*
*- **TP.HCM mở rộng – phường trung tâm (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)** gồm: TP. Hồ Chí Minh (phường/xã thuộc Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu cũ).*
*- **Vùng 1 – trung tâm** gồm: Thái Nguyên, Bắc Ninh, Phú Thọ, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thanh Hóa.*
*- **Tuyên Quang (trung tâm)** gồm: Tuyên Quang.*
*- **Vùng 2 – trung tâm** gồm: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Nghệ An, Sơn La.*
*- **Vùng 3 – trung tâm** gồm: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Quảng Trị, An Giang, Đồng Nai, Cà Mau, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tây Ninh.*
*- **Vùng 1 – huyện, xã** gồm: Thái Nguyên, Bắc Ninh, Phú Thọ, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình.*
*- **Tuyên Quang (huyện, xã)** gồm: Tuyên Quang.*
*- **Vùng 2 – huyện, xã** gồm: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Nghệ An, Sơn La.*
*- **Vùng 3 – huyện, xã** gồm: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Quảng Trị, An Giang, Đồng Nai, Cà Mau, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, Tây Ninh, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.*

CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH HOÀN CẦU HTC

Địa chỉ: Số 2 Ngách 49 Ngõ Ngõ 64 Phố Nguyễn Lương bằng (Hoặc đi Ngõ 31 Hoàng Cầu Vào), P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Điện thoại: 024 35773064 Hotline: 0934 437 499 htcpost.vn

II) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ HỎA TỐC (Theo giờ hẹn)

KHỐI LƯỢNG	Hà Nội (phường trung tâm)	Vùng 1 (phường trung tâm)	Vùng 2 (phường trung tâm)	TP.HCM, Đà Nẵng (phường trung tâm)	Vùng 3 (phường trung tâm)
Thời gian toàn trình	2- 3h	Phát trước 11h30 ngày kế tiếp	Phát trước 10h00 ngày kế tiếp	Phát trước 9h30 ngày kế tiếp	24 – 36h
Đến 50 g	36.500	70.000	100.000	75.000	320.000
Trên 50 g đến 100 g	36.500	70.000	110.000	85.000	320.000
Trên 100 g đến 250 g	41.000	80.000	115.000	105.000	335.000
Trên 250 g đến 500 g	41.000	80.000	130.000	120.000	350.000
Trên 500 g đến 1 kg	41.000	90.000	150.000	140.000	370.000
Trên 1 kg đến 1,5 kg	46.500	100.000	170.000	155.000	390.000
Trên 1,5 kg đến 2 kg	51.500	110.000	190.000	174.000	420.000
Mỗi 0,5 kg tiếp theo	1.300	5.500	12.500	13.500	22.500

*- **Hà Nội (phường trung tâm)** gồm: Hà Nội.*
*- **Vùng 1 (phường trung tâm)** gồm: Lào Cai, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa.*
*- **Vùng 2 (phường trung tâm)** gồm: Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Điện Biên, Nghệ An, Tuyên Quang.*
*- **TP.HCM, Đà Nẵng (phường trung tâm)** gồm: TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.*
*- **Vùng 3 (phường trung tâm)** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Huế, Quảng Trị, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau.*

III) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ TIẾT KIỆM (2–10 ngày)

KHỐI LƯỢNG	Vùng 1	Vùng 2	Đà Nẵng	Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)	TP.HCM	TP.HCM mở rộng (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)	Vùng 3
Thời gian toàn trình	18 - 36 giờ	24 - 40 giờ	36 - 48 giờ	54 - 72 giờ	45 - 54 giờ	54 - 72 giờ	54 - 72 giờ
Đến 1 kg	25.700	35.900	35.900	56.400	35.900	56.400	56.400
GIÁ CỘNG THÊM CHO MỖI KG TIẾP THEO							
Trên 1 kg đến 100 kg	6.700	10.500	13.500	17.500	14.500	17.500	17.500
Trên 100 kg đến 300 kg	6.500	10.200	13.200	17.200	14.200	17.200	17.200
Trên 300 kg đến 500 kg	6.000	10.000	13.000	17.000	14.000	17.000	17.000
Trên 500 kg	5.500	9.500	12.500	16.800	13.700	16.800	16.800

*- **Vùng 1** gồm: Lào Cai, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa.*
*- **Vùng 2** gồm: Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Điện Biên, Nghệ An, Tuyên Quang.*
*- **Đà Nẵng** gồm: Đà Nẵng.*
*- **Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)** gồm: Đà Nẵng (phường/xã thuộc Quảng Nam cũ).*
*- **TP.HCM** gồm: TP. Hồ Chí Minh.*
*- **TP.HCM mở rộng (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)** gồm: TP. Hồ Chí Minh (phường/xã thuộc Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu cũ).*
*- **Vùng 3** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Huế, Quảng Trị, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau.*

CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH HOÀN CẦU HTC
Địa chỉ: Số 2 Ngách 49 Ngõ Ngõ 64 Phố Nguyễn Lương bằng (Hoặc đi Ngõ 31 Hoàng Cầu Vào), P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Điện thoại: 024 35773064 Hotline: 0934 437 499 htcpost.vn

IV) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ ĐƯỜNG BỘ

KHỐI LƯỢNG	Vùng 1	Vùng 2	Đà Nẵng	Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)	TP.HCM	TP.HCM mở rộng (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)	Vùng 3
Thời gian toàn trình	2-3 Ngày	3-4 Ngày	3-4 ngày	5-7 ngày	4-5 ngày	5-7 ngày	5-7 ngày
Đến 1 kg	23.600	30.800	25.700	41.000	25.700	41.000	41.000
GIÁ CỘNG THÊM CHO MỖI KG TIẾP THEO							
Trên 1 kg đến 50 kg	6.700	8.300	8.000	12.000	9.000	12.000	12.000
Trên 50 kg đến 300 kg	6.200	8.000	7.500	11.500	8.700	11.500	11.500
Trên 300 kg đến 1.000 kg	5.700	7.800	6.000	11.000	8.500	11.000	11.000
Trên 1.000 kg đến 3.000 kg	5.500	7.000	5.700	10.000	8.000	10.000	10.000
Trên 3.000 kg	5.000	6.500	5.500	9.000	7.500	9.000	9.000

*- **Vùng 1** gồm: Lào Cai, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa.*
*- **Vùng 2** gồm: Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Điện Biên, Nghệ An, Tuyên Quang.*
*- **Đà Nẵng** gồm: Đà Nẵng.*
*- **Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)** gồm: Đà Nẵng (phường/xã thuộc Quảng Nam cũ).*
*- **TP.HCM** gồm: TP. Hồ Chí Minh.*
*- **TP.HCM mở rộng (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)** gồm: TP. Hồ Chí Minh (phường/xã thuộc Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu cũ).*
*- **Vùng 3** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Huế, Quảng Trị, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau.*

* Lưu ý:

- Đơn vị: đồng. Khối lượng tính cước là khối lượng thực hoặc khối lượng quy đổi theo kích thước, lấy số lớn hơn.
- Giá trên bảng chưa gồm: Phụ phí xăng dầu 19,5%; Thuế VAT 8%.
- Cách tính hàng cồng kềnh (cm):
+ Hàng Nhanh: (Dài × rộng × cao) / 6.000 = số kg tương ứng tính cước.
+ Hàng Hỏa tốc: (Dài × rộng × cao) / 6.000 = số kg tương ứng tính cước.
+ Hàng Tiết kiệm: (Dài × rộng × cao) / 5.000 = số kg tương ứng tính cước.
+ Hàng Đường bộ: (Dài × rộng × cao) / 3.000 = số kg tương ứng tính cước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH HOÀN CẦU HTC
Địa chỉ: Số 2 Ngách 49 Ngõ Ngõ 64 Phố Nguyễn Lương bằng (Hoặc đi Ngõ 31 Hoàng Cầu Vào), P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Điện thoại: 024 35773064 Hotline: 0934 437 499 htcpost.vn

BẢNG GIÁ CHUYỂN PHÁT TRONG NƯỚC

Gửi từ TP. Hồ Chí Minh

(Áp dụng từ ngày 01/12/2026)

----------***----------

Giá chưa bao gồm Phụ phí xăng dầu 19,5% & Thuế VAT 8%

I) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ NHANH (24–48 giờ)

KHỐI LƯỢNG	Trung tâm (phường)	Huyện, xã	Trung tâm (phường)	Huyện, xã	Trung tâm (phường)										
	Nội thành TP.HCM	Ngoại thành TP.HCM (huyện, xã cũ)	TP.HCM mở rộng – phường trung tâm (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)	TP.HCM mở rộng – xã, phường ven (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)	Đồng Nai, Cần Thơ (trung tâm)	Đà Nẵng (trung tâm)	Đà Nẵng mở rộng – phường trung tâm (Quảng Nam cũ)	Hà Nội (trung tâm)	Vùng 1 – trung tâm	Cà Mau, Lâm Đồng (trung tâm)	Vùng 2 – trung tâm	Khánh Hòa, Gia Lai (trung tâm)	Vùng 3 – trung tâm	Vùng 1 – huyện, xã	Cà Mau, Lâm Đồng (huyện, xã)
Thời gian toàn trình	**4–7 giờ**	**16–30 giờ**	**20–36 giờ**	**24–48 giờ**	**5–8 giờ**	**20–30 giờ**	**36–48 giờ**	**20–36 giờ**	**20–36 giờ**	**20–36 giờ**	**20–36 giờ**	**20–36 giờ**	**36–48 giờ**	**24–48 giờ**	**24–48 giờ**
Đến 50 g	8.200	10.300	10.200	10.800	10.200	10.200	12.300	10.200	10.200	10.200	10.200	12.300	12.300	10.800	12.800
Trên 50 g đến 100 g	9.250	11.800	12.800	15.600	12.800	12.300	15.400	12.300	12.800	12.800	12.800	15.400	15.400	15.600	15.400
Trên 100 g đến 250 g	10.300	15.600	18.500	20.800	18.500	18.400	25.000	18.400	18.500	18.500	18.500	25.000	25.000	20.800	21.600
Trên 250 g đến 500 g	12.300	19.200	25.500	28.900	25.500	27.500	35.000	28.500	25.500	25.500	25.500	35.000	35.000	28.900	30.600
Trên 500 g đến 1 kg	15.400	26.000	34.800	40.100	34.800	36.800	50.000	39.900	34.800	34.800	34.800	50.000	50.000	40.500	41.000
Trên 1 kg đến 1,5 kg	18.500	32.000	40.900	48.100	40.900	48.100	65.000	51.200	40.900	40.900	40.900	65.000	65.000	48.700	51.300
Trên 1,5 kg đến 2 kg	20.500	36.000	46.000	59.300	46.000	57.300	77.000	61.300	46.000	46.000	46.000	77.000	77.000	59.500	61.500
Mỗi 0,5 kg tiếp theo đến 20 kg	1.250	3.700	4.100	5.150	4.100	9.200	11.300	10.050	4.100	6.200	6.200	11.300	11.300	5.150	7.700
GIÁ CỘNG THÊM CHO MỖI KG TIẾP THEO (Riêng Đà Nẵng (trung tâm), Hà Nội (trung tâm) nhân trực tiếp cả khối lượng)															
Trên 20 kg đến 100 kg	2.560	4.700	8.200	10.300	8.200	18.400	22.600	20.100	8.200	12.300	12.300	22.600	22.600	10.300	16.500
Trên 100 kg đến 250 kg	2.460	4.500	7.700	10.000	7.700	18.200	22.300	20.000	7.700	11.700	11.700	22.300	22.300	10.000	16.200
Trên 250 kg đến 500 kg	2.360	4.300	7.000	9.700	7.000	17.700	22.000	19.750	7.000	11.500	11.500	22.000	22.000	9.700	16.000
Trên 500 kg đến 1.000 kg	2.260	4.000	6.500	9.500	6.500	17.200	21.700	19.500	6.500	11.000	11.000	21.700	21.700	9.500	15.500
Trên 1.000 kg	2.260	3.500	6.000	9.000	6.000	17.000	21.500	19.300	6.000	10.500	10.500	21.500	21.500	9.000	15.000

*- **Nội thành TP.HCM** gồm: TP. Hồ Chí Minh.*
*- **Ngoại thành TP.HCM (huyện, xã cũ)** gồm: TP. Hồ Chí Minh.*
*- **TP.HCM mở rộng – phường trung tâm (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)** gồm: TP. Hồ Chí Minh (phường/xã thuộc Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu cũ).*
*- **TP.HCM mở rộng – xã, phường ven (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)** gồm: TP. Hồ Chí Minh (phường/xã thuộc Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu cũ).*
*- **Đồng Nai, Cần Thơ (trung tâm)** gồm: Đồng Nai, Cần Thơ.*
*- **Đà Nẵng (trung tâm)** gồm: Đà Nẵng.*
*- **Đà Nẵng mở rộng – phường trung tâm (Quảng Nam cũ)** gồm: Đà Nẵng (phường/xã thuộc Quảng Nam cũ).*
*- **Hà Nội (trung tâm)** gồm: Hà Nội.*
*- **Vùng 1 – trung tâm** gồm: Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang.*
*- **Cà Mau, Lâm Đồng (trung tâm)** gồm: Cà Mau, Lâm Đồng.*
*- **Vùng 2 – trung tâm** gồm: Đắk Lắk.*
*- **Khánh Hòa, Gia Lai (trung tâm)** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai.*
*- **Vùng 3 – trung tâm** gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Quảng Ngãi, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La.*
*- **Vùng 1 – huyện, xã** gồm: Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Nai, Cần Thơ.*
*- **Cà Mau, Lâm Đồng (huyện, xã)** gồm: Cà Mau, Lâm Đồng.*
*- **Vùng 2 – huyện, xã** gồm: Đắk Lắk.*
*- **Khánh Hòa, Gia Lai (huyện, xã)** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai.*
*- **Vùng 3 – huyện, xã** gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Quảng Ngãi, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Đà Nẵng, Hà Nội.*

CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH HOÀN CẦU HTC

Địa chỉ: Số 2 Ngách 49 Ngõ Ngõ 64 Phố Nguyễn Lương bằng (Hoặc đi Ngõ 31 Hoàng Cầu Vào), P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Điện thoại: 024 35773064 Hotline: 0934 437 499 htcpost.vn

II) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ HỎA TỐC (Theo giờ hẹn)

KHỐI LƯỢNG	TP.HCM (phường trung tâm)	TP.HCM mở rộng – phường trung tâm (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)	Vùng 1 (phường trung tâm)	Vùng 2 (phường trung tâm)	Hà Nội, Đà Nẵng (phường trung tâm)	Vùng 3 (phường trung tâm)
Thời gian toàn trình	2- 3h	Phát trước 9h30 ngày kế tiếp	Phát trước 11h30 ngày kế tiếp	Phát trước 10h00 ngày kế tiếp	Phát trước 9h30 ngày kế tiếp	24 – 36h
Đến 50 g	36.500	70.000	70.000	100.000	75.000	320.000
Trên 50 g đến 100 g	36.500	70.000	70.000	110.000	85.000	320.000
Trên 100 g đến 250 g	41.000	80.000	80.000	115.000	105.000	335.000
Trên 250 g đến 500 g	41.000	80.000	80.000	130.000	120.000	350.000
Trên 500 g đến 1 kg	41.000	90.000	90.000	150.000	140.000	370.000
Trên 1 kg đến 1,5 kg	46.500	100.000	100.000	170.000	155.000	390.000
Trên 1,5 kg đến 2 kg	51.500	110.000	110.000	190.000	174.000	420.000
Mỗi 0,5 kg tiếp theo	1.300	5.500	5.500	12.500	13.500	22.500

*- **TP.HCM (phường trung tâm)** gồm: TP. Hồ Chí Minh.*
*- **TP.HCM mở rộng – phường trung tâm (Bình Dương, Vũng Tàu cũ)** gồm: TP. Hồ Chí Minh (phường/xã thuộc Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu cũ).*
*- **Vùng 1 (phường trung tâm)** gồm: Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ.*
*- **Vùng 2 (phường trung tâm)** gồm: Cà Mau, Lâm Đồng, Đắk Lắk.*
*- **Hà Nội, Đà Nẵng (phường trung tâm)** gồm: Hà Nội, Đà Nẵng.*
*- **Vùng 3 (phường trung tâm)** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Huế, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Phú Thọ, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Tuyên Quang, Cao Bằng.*

III) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ TIẾT KIỆM (2–10 ngày)

KHỐI LƯỢNG	Vùng 1 (gồm TP.HCM)	Vùng 2	Đà Nẵng	Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)	Hà Nội	Vùng 3
Thời gian toàn trình	18 - 36 giờ	24 - 40 giờ	36 - 48 giờ	54 - 72 giờ	45 - 54 giờ	54 - 72 giờ
Đến 1 kg	25.700	35.900	35.900	56.400	35.900	56.400
GIÁ CỘNG THÊM CHO MỖI KG TIẾP THEO						
Trên 1 kg đến 100 kg	6.700	10.500	13.500	17.500	14.500	17.500
Trên 100 kg đến 300 kg	6.500	10.200	13.200	17.200	14.200	17.200
Trên 300 kg đến 500 kg	6.000	10.000	13.000	17.000	14.000	17.000
Trên 500 kg	5.500	9.500	12.500	16.800	13.700	16.800

*- **Vùng 1 (gồm TP.HCM)** gồm: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ.*
*- **Vùng 2** gồm: Cà Mau, Lâm Đồng, Đắk Lắk.*
*- **Đà Nẵng** gồm: Đà Nẵng.*
*- **Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)** gồm: Đà Nẵng (phường/xã thuộc Quảng Nam cũ).*
*- **Hà Nội** gồm: Hà Nội.*
*- **Vùng 3** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Huế, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Phú Thọ, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Tuyên Quang, Cao Bằng.*

CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH HOÀN CẦU HTC
Địa chỉ: Số 2 Ngách 49 Ngõ Ngõ 64 Phố Nguyễn Lương bằng (Hoặc đi Ngõ 31 Hoàng Cầu Vào), P. Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Điện thoại: 024 35773064 Hotline: 0934 437 499 htcpost.vn

IV) BẢNG GIÁ DỊCH VỤ ĐƯỜNG BỘ

KHỐI LƯỢNG	Vùng 1	Vùng 2	TP.HCM	Đà Nẵng	Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)	Hà Nội	Vùng 3
Thời gian toàn trình	2-3 Ngày	3-4 Ngày	2-3 ngày	3-4 ngày	5-7 ngày	4-5 ngày	5-7 ngày
Đến 1 kg	23.600	30.800	23.600	25.700	41.000	25.700	41.000
GIÁ CỘNG THÊM CHO MỖI KG TIẾP THEO							
Trên 1 kg đến 50 kg	6.700	8.300	6.700	8.000	12.000	9.000	12.000
Trên 50 kg đến 300 kg	6.200	8.000	6.200	7.500	11.500	8.700	11.500
Trên 300 kg đến 1.000 kg	5.700	7.800	5.700	6.000	11.000	8.500	11.000
Trên 1.000 kg đến 3.000 kg	5.500	7.000	5.500	5.700	10.000	8.000	10.000
Trên 3.000 kg	5.000	6.500	5.000	5.500	9.000	7.500	9.000

*- **Vùng 1** gồm: Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ.*
*- **Vùng 2** gồm: Cà Mau, Lâm Đồng, Đắk Lắk.*
*- **TP.HCM** gồm: TP. Hồ Chí Minh.*
*- **Đà Nẵng** gồm: Đà Nẵng.*
*- **Đà Nẵng mở rộng (Quảng Nam cũ)** gồm: Đà Nẵng (phường/xã thuộc Quảng Nam cũ).*
*- **Hà Nội** gồm: Hà Nội.*
*- **Vùng 3** gồm: Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Huế, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Phú Thọ, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Tuyên Quang, Cao Bằng.*

* Lưu ý:

- Đơn vị: đồng. Khối lượng tính cước là khối lượng thực hoặc khối lượng quy đổi theo kích thước, lấy số lớn hơn.
- Giá trên bảng chưa gồm: Phụ phí xăng dầu 19,5%; Thuế VAT 8%.
- Cách tính hàng cồng kềnh (cm):
+ Hàng Nhanh: (Dài × rộng × cao) / 6.000 = số kg tương ứng tính cước.
+ Hàng Hỏa tốc: (Dài × rộng × cao) / 6.000 = số kg tương ứng tính cước.
+ Hàng Tiết kiệm: (Dài × rộng × cao) / 5.000 = số kg tương ứng tính cước.
+ Hàng Đường bộ: (Dài × rộng × cao) / 3.000 = số kg tương ứng tính cước.

PHÍ, DỊCH VỤ GIA TĂNG

Tên phí, dịch vụ gia tăng	Giá cước	Ghi chú
Phí thu hộ COD	1,3% giá trị	Miễn phí dưới 1.000.000 đ; Tối thiểu 15.000 đ
Phí khai giá (bảo hiểm)	1,3% giá trị	Tối thiểu 15.000 đ
Phí tiền kèm hàng	1,3% giá trị	
Báo phát	5.000 đ	
Phụ phí giao phường, xã xa trung tâm (tiết kiệm, đường bộ)	15% cước chính	Chỉ dịch vụ Đường bộ, Tiết kiệm
Thu cước người nhận ở huyện, xã	13.000 đ	
Hàng chất lỏng	15% cước chính	
Hàng nguyên khối từ 100 kg (nâng hạ)	15% cước chính	
Thực phẩm tươi sống, đông lạnh, vắc-xin	30% cước chính	Tối thiểu 70.000 đ
Hồ sơ thầu (giao đúng giờ)	100.000 đ	Chỉ dịch vụ Hỏa tốc
Giao hàng tại siêu thị	3.000 đ/kg	Tối thiểu 100.000 đ